TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 06 - 2023
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Ký và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa*:* bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 69/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Đơn vị Kho K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/04/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/07/1992, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên có những lời nói xúc phạm đối với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh H1 không còn quan tâm nhau từ

ngày 15/12/2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: chị và anh Phạm Văn H1 có hai con chung, các cháu là Phạm Tuấn A, sinh ngày 11/08/1993 và Phạm Quang H2, sinh ngày 18/12/1998. Do các cháu đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong đơn khởi kiện, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật đối với một thửa đất số 21/27, tờ bản đồ số 20, diện tích 112m^2, địa chỉ tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và số tiền 550.000.000 đồng là tổng số tiền của 03 sổ gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện H - Bắc T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã rút phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng.

2. Tại bản tự khai đề ngày 15/05/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn H1 trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Hoàng Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02/07/1992, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, bỏ bê công việc gia đình. Anh đã khuyên nhủ nhiều lần và chị H cũng đã từ bỏ nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn lời qua tiếng lại, va chạm lẫn nhau nên từ tháng 12/2022 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị Hoàng Thị H có hai con chung, các cháu là Phạm Tuấn A, sinh ngày 11/08/1993 và Phạm Quang H2, sinh ngày 18/12/1998. Do các cháu đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn anh H1 và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản

chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ phần yêu cầu này. Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng, trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại cho chị H do chị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bị đơn là anh Phạm Văn H1 có nơi làm việc tại Kho K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn; theo chị H, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột; theo anh H1, nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, bỏ bê công việc gia đình, vợ chồng lời qua tiếng lại, va chạm lẫn nhau. Theo kết quả xác minh ngày 15/06/2023, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H: cuộc sống hôn nhân giữa anh H1 và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H1 thường xuyên đánh đập chị H nên mỗi lần bị đánh đập thì chị H có đến báo cáo với ban Q nên ban quản lý đã động viên hòa giải, khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Mặt khác, anh chị cũng thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm nhau từ ngày 15/12/2022 đến nay.

Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 luôn phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng xung đột và không còn quan tâm đến nhau nên đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 thừa nhận có hai con chung, các cháu là Phạm Tuấn A, sinh ngày 11/08/1993 và Phạm Quang H2, sinh ngày 18/12/1998. Các cháu Tuấn A và Quang H2 đã thành niên, chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 đều trình bày vợ chồng có một số tài sản chung.

Trước khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng. Việc chị H tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, mặt khác anh H1 không có yêu cầu phản tố nên được chấp nhận và phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp.

[5]. Về án phí: chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí còn lại do chị tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về tài sản chung: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.925.000đ (mười bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004544 ngày 09/05/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho chị H 14.625.000đ (mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0004544 ngày 09/05/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- UBND xã Hà Bình, huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Văn Nam